

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày: 18-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Huy Tùng.
- Ông Vi Lê Văn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Cúc H, sinh năm 1958; cư trú tại: Số 35, đường C, khu A, thị trấn H, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Triệu Kim X, sinh năm 1976; cư trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Ông Lý Văn T1, sinh năm 1974; cư trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trịnh Quang T2, sinh năm 1957; cư trú tại: Số 35, đường C, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Trịnh Văn K, sinh năm 1993; cư trú tại: Số 35, đường C, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Lý Nhược N; cư trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đinh Thị Cúc H trình bày:

Do có quen biết vợ chồng bà Triệu Kim X và ông Lý Văn T1 nên ngày 30/7/2021, khi vợ chồng bà Triệu Kim X đến nhà bà hỏi vay tiền trả để Ngân hàng, bà đồng ý cho vay. Hai bên nhất trí làm giấy thỏa thuận vay tiền trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Theo nội dung giấy thỏa thuận vay tiền thì bà Triệu Kim X và ông Lý Văn T1 vay bà H số tiền 150.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 20%/năm, thời hạn trả nợ là 30/10/2021. Khi vay có mặt chị Lý Nhược N là con gái ông Lý Văn T1 và bà Triệu Kim X, giấy thỏa thuận vay tiền do chính tay chị Lý Nhược N viết. Giấy thỏa thuận vay tiền có chữ ký của ông Lý Văn T1 và bà Triệu Kim X ở phần người vay, chị Lý Nhược N ký người làm chứng. Vợ chồng bà Triệu Kim X có để lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 975374, đứng tên ông Lý T1, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 25/11/1997; giấy chứng minh nhân dân mang tên Triệu Kim X và Lý Văn T1 để làm tin. Đến thời hạn trả nợ bà H đã nhiều lần yêu cầu bà X và ông T1 trả nợ nhưng không được. Nay bà yêu cầu bà Triệu Kim X và ông Lý Văn T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ tính đến ngày xét xử là ngày 18/3/2024 với tổng số tiền là 229.068.493 đồng, trong đó, số tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 79.068.493 đồng.

Giấy thỏa thuận vay tiền, có tên chồng bà là ông Trịnh Quang T2 và con trai bà là anh Trịnh Văn K, tuy nhiên, do đây là mẫu in sẵn, chưa kịp sửa nên ông T2, anh K tuy có tên nhưng không có chữ ký vì việc bà cho vay là việc riêng của bà, chồng và con không liên quan gì. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 975374, đứng tên ông Lý T1, do Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng cấp ngày 25/11/1997; giấy chứng minh nhân dân mang tên Triệu Kim X và Lý Văn T1, bà Đinh Thị Cúc H tự nguyện trả lại cho bà Triệu Kim X và ông Lý Văn T1 khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Đinh Thị Cúc H vắng mặt, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà vẫn giữ nguyên các yêu cầu, không thay đổi, bổ sung thêm gì.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Triệu Kim X và ông Lý Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai tại Tòa án. Sau khi tiến hành xác minh tại địa phương nơi bà Triệu Kim X và ông Lý Văn T1 cư trú, xác định được bà Triệu Kim X và ông Lý Văn T1 hiện đang sinh sống tại địa phương nhưng thường xuyên vắng mặt, không rõ thời điểm trở về. Do đó, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết văn bản tố tụng theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Quang T2 và anh Trịnh Văn K trình bày:

Ông T2 và anh K có biết việc ngày 30/7/2021, bà Đinh Thị Cúc H có cho bà Triệu Kim X và ông Lý Văn T1 vay số tiền 150.000.000 đồng tiền gốc. Mức lãi suất theo thỏa thuận là 20%/năm và hạn đến 30/10/2021. Tuy nhiên số tiền mà bà Đinh Thị Cúc H cho bà Triệu Kim X và ông Lý Văn T1 vay không liên quan gì đến ông T2, anh K, việc giấy thỏa thuận có tên ông và anh là do mẫu in sẵn chưa xóa đi. Chính vì vậy không có chữ ký của ông T2 và anh K trong giấy thỏa thuận vay tiền. Ông T2 và anh K nhất trí với yêu cầu của bà H và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định tại Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; người làm chứng chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 117, Điều 398, Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Cúc H. Buộc bà Triệu Kim X, ông Lý Văn T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đinh Thị Cúc H số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 30/7/2021 đến ngày xét xử; về án phí: Bà Triệu Kim X, ông Lý Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị Cúc H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Quang T2, anh Trịnh Văn K vắng mặt đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Các bị đơn bà Triệu Kim X, ông Lý Văn T1 và người làm chứng chị Lý Nhược N đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ hoạt động vay tài sản nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà Triệu Kim X, ông Lý Văn T1 đều cư trú tại Thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về nội dung: Tại giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 30/7/2021 có nội dung bà Triệu Kim X, ông Lý Văn T1 có vay của bà Đinh Thị Cúc H số tiền 150.000.000

đồng, lãi thỏa thuận là 20%/năm, thời hạn thanh toán là 30/10/2021, hai bên có cùng ký vào giấy thỏa thuận vay tiền và có chữ ký của người làm chứng Lý Nhượng N. Có đặt Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Lý T1 số H 975374 và 02 giấy chứng minh nhân dân tên Triệu Kim X và Lý Văn T1.

[4] Xét thấy, khi tham gia giao dịch các bên đều có năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch được lập thành văn bản, giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 30/7/2021 có hiệu lực kể từ khi các bên xác lập. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, các bị đơn vắng mặt, không có ý kiến cũng như không có yêu cầu phản tố. Theo kết quả xác minh ngày 27/11/2023, Ủy ban nhân dân xã V đã giao trực tiếp văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Triệu Kim X, ông Lý Văn T1. Như vậy, xác định bà Triệu Kim X, ông Lý Văn T1 đã không thực hiện các quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng và đã biết việc bà Đinh Thị Cúc H khởi kiện đối với mình. Căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ nguyên đơn bà Đinh Thị Cúc H cung cấp là hợp lệ. Như vậy, có cơ sở để khẳng định bị đơn bà Triệu Kim X và ông Lý Văn T1 chưa trả toàn bộ số nợ cho nguyên đơn bà Đinh Thị Cúc H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, buộc bà Triệu Kim X và ông Lý Văn T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đinh Thị Cúc H số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng.

[5] Về yêu cầu trả lãi: Tại giấy thỏa thuận vay tiền hai bên đã thỏa thuận lãi suất là 20%/năm và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải chịu mức lãi suất là 20%/năm. Thấy rằng, mức lãi suất này không vượt quá quy định về lãi suất nợ quá hạn quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 30/7/2021 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể: Từ 30/7/2021 đến 18/3/2024 là 962 ngày x 150.000.000 đồng x 20% : 365 ngày = 79.068.493 đồng.

[6] Khi vay tiền, bà Triệu Kim X và ông Lý Văn T1 có đưa cho bà Đinh Thị Cúc H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 975374, đứng tên ông Lý T1, do Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng cấp ngày 25/11/1997; chứng minh nhân dân mang tên Triệu Kim X và Lý Văn T1. Bà Đinh Thị Cúc H tự nguyện trả lại cho bà Triệu Kim X và ông Lý Văn T1 khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[7] Trong giấy thỏa thuận vay tiền có ghi bên cho vay bao gồm cả ông Trịnh Quang T2, anh Trịnh Văn K, tuy nhiên căn cứ lời khai của bà Đinh Thị Cúc H, ông Trịnh Quang T2, anh Trịnh Văn K đã xác định rõ số tiền vay là của bà H, ông T2, anh K không có liên quan. Tại bản tự khai, ông T2 và anh K đều đề nghị bà X và ông T1 có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và số tiền lãi (tính đến ngày xét xử sơ thẩm)

cho bà Đinh Thị Cúc H là phù hợp với quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Cúc H được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Triệu Kim X và ông Lý Văn T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đề nghị giải quyết nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra được các nhận định, đánh giá chứng cứ, căn cứ chứng minh phù hợp với đường lối, định hướng giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 398, 401, 463, 466, 470, 357, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Cúc H, buộc các bị đơn bà Triệu Kim X và ông Lý Văn T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán khoản nợ cho bà Đinh Thị Cúc H tổng số tiền 229.068.493 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và số tiền lãi (tính từ ngày 30/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/3/2024) là 79.068.493 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn bà Triệu Kim X và ông Lý Văn T1 phải liên đới chịu 11.453.424 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp Ngân sách Nhà nước.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết